UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ XÂY DỰNG
Số: 77 /GCN-SXD(GĐCL)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng Hà Nội trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ của Công ty cổ phần Xây dựng và Vật liệu 319; Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 01/8/2024; Văn bản số 38/BC-XD&VL319 ngày 07/8/2024 của Công ty cổ phần Xây dựng và Vật liệu 319 về việc báo cáo kết quả khắc phục một số điểm chưa phù hợp trong biên Bản đánh giá Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (gửi Sở Xây dựng ngày 07/8/2024); Biên bản kiểm tra đánh giá nội dung khắc phục ngày 13/8/2024 giữa các thành viên đoàn đánh giá và tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần Xây dựng và Vật liệu 319.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh số 0106066794; Đăng ký lần đầu lần đầu ngày 21/12/2012; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/11/2022 (do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp).

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Tổng công ty 319 số 145/154 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.38615359

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 145/154 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 24.094**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty cổ phần xây dựng và vật liệu 319;
- Bộ Xây dựng; (để báo cáo)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Nguyễn Thế Công-PGĐ SXD;
- Lưu: VT, P. QLKT&GĐCL (P.V.H, 08b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thế Công

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.094

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: /GCN-SXD(GĐXD), ngày tháng năm 2024)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
I	**CƠ LÝ VÀ HOÁ XI MĂNG**	
1	Xác định khối lượng riêng và độ mịn của xi măng	TCVN 13605:2023
2	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
3	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
4	Hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:2023
II	**HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**	
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
6	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
7	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
8	Xác định độ tách nước, tách vữa hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022
9	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
10	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
11	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
12	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022
13	Xác định cường độ nén mẫu lập phương và mẫu khoan cắt	TCVN 3118:2022 TCVN 12252:2020 TCXDVN 239:2006
14	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:22
15	Xác định cường độ chịu kéo khi bửa	TCVN 3120:22
16	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:22
17	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:22
18	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông.	TCVN 9338:2012
III	**CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**	
19	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
20	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
21	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
22	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp, độ hổng	TCVN 7572-6:06
23	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
24	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-8:06
25	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
26	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
27	Xác định hệ số nén dập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
28	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
29	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
30	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06
31	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:06
32	Xác định đương lượng cát (ES)	AASHTO T176; ASTM D2419
33	Xác định modun biến dạng và modun đàn hồi của đá gốc	ASTM D7012:10
IV	**ĐẤT TRONG PHÒNG**	
34	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012
35	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
36	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
37	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198-2014
38	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
39	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
40	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	TCVN12792:2020
41	Xác định độ bền nén của đất trong điều kiện nở hông	TCVN9438:2012
42	Xác định độ trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8719:2012
43	Xác định độ co ngót	TCVN 8720:2012
44	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu dạng hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
45	Xác định mô đun đàn hồi của lớp vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ	TCVN 9843:2013
46	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
47	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
V	**VẬT LIỆU KIM LOẠI**	
48	Thử kéo vật liệu kim loại	TCVN 197-1:2014
49	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198:2008;
50	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
51	Thí nghiệm bu lông, vít, đai ốc	TCVN 1916:95 TCVN 197-1:14
52	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
53	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
VI	**BÊ TÔNG NHỰA**	
54	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall.	TCVN 8860-1:2011
55	Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
56	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
57	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
58	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén.	TCVN 8860-5:2011
59	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
60	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
61	Phương pháp xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
62	Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
63	Phương pháp xác định độ rỗng của cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
64	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa.	TCVN 8860-11:2011
65	Phương pháp xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
VII	**NHỰA BITUM**	
66	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
67	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
68	Xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005
69	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland.	TCVN 7498:2005
70	Xác định lượng tổn thất sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005
71	Xác định độ hoà tan trong Tricloetylen và N-propyl Bromide	TCVN 7500:2023
72	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
73	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
VIII	**HIỆN TRƯỜNG**	
74	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN02:71
75	Quy trình thí nghiệm xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	22TCN 346-2006
76	Mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011
77	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu áo đường bằng cần đo võng benkelman	TCVN 8867:2011
78	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
79	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
80	Đo điện trở của đất, điện trở tiếp địa chống sét	TCVN 9385:12
81	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011
IX	**VỮA XÂY DỰNG**	
82	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 2022
83	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022
84	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 2022
85	Xác định khối lượng khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8: 2022
86	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9: 2022
87	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10: 2022
88	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN3121-11: 2022
89	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18: 2022
90	Xác định sự thay đổi chiều cao, chiều dài, độ tách nước của vữa xi măng khô trộn sẵn không co	TCVN 9204:2012
X	**GẠCH XÂY**	
91	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan.	TCVN 6355-1:09
92	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:09

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
93	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:09
94	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09
95	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09
96	Xác định độ rỗng gạch	TCVN 6355-6:09
97	Xác định vết tróc do vôi của các loại gạch	TCVN 6355-7:09
98	Xác định sự thoát muối của gạch xây	TCVN 6355-8:09
XI	**GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN, GẠCH LÁT NỀN**	
99	Gạch BT tự chèn: Xác định Kích thước và khuyết tật ngoại quan; Cường độ nén	TCVN 6476:99
100	Gạch lát nền; Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:95
XII	**BỘT KHOÁNG TRONG BTN**	
101	Xác định tỷ lệ thành phần hạt, Xác định lượng mất khi nung, Xác định hàm lượng nước, Xác định khối lượng riêng, Xác định độ trương nở, Xác định chỉ số về hàm lượng nhựa,Xác định tỷ lệ thành phần hạt, Xác định lượng mất khi nung, Xác định hàm lượng nước, Xác định khối lượng riêng, Xác định độ trương nở, Xác định chỉ số về hàm lượng nhựa.	TCVN 12884-2:2020 22TCN58:84
XIII	**NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG**	
102	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011
103	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ.	TCVN 8817-3:2011
104	Xác định lượng hạt quá cỡ (thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011
105	Xác định điện tích hạt.	TCVN 8817-5:2011
106	Xác định độ khử nhũ.	TCVN 8817-6:2011
107	Thử nghiệm chưng cất.	TCVN 8817-9:2011
108	Thử nghiệm bay hơi.	TCVN 8817-10:2011
109	Xác định khối lượng thể tích.	TCVN 8817-14:2011
110	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường.	TCVN 8817-15:2011
XIV	**GẠCH TERRAZZO**	
111	Xác định: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; Cường độ uốn; Độ hút nước;	TCVN 7744: 2013
XV	**SẢN PHẨM BÊ TÔNG NHẸ**	
112	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt, Xác định cường độ nén, Xác định độ hút nước, Xác định độ co khô	TCVN 9030:2017

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.